

Biểu mẫu 10

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG THCS TÂN TỨC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019- 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1893	535 (dự kiến)	473	457	428
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1555 82,0%	420 77,7%	384 81,18%	400 87,53%	351 82,01%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	319 17,1%	115 22,3%	83 17,55%	50 10,94%	71 16,59%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	19 0,9%	0	6 1,27%	7 1,53%	6 1,4%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1893	540	473	457	428
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	961 50,7%	350 64,8%	216 45,7%	212 46,4%	183 42,76%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	720 38,2%	185 35,2%	177 37,42%	190 41,6%	168 39,25%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	201 10,6%	0	76 16,7%	51 11,16%	74 17,29%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	11 0,5%	0	4 0,85%	4 0,88%	3 0,7%

5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					

1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	972/926	285/255	247/226	212/245	228/200
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	36	10	9	9	8

Tân Túc, ngày 01 tháng 8 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị



Phan Thanh Tuấn